

Số: 07/GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 04 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;

Xét văn bản số 05/CTY.2024 ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Công ty TNHH
Bánh Pía – Lạp xưởng Tân Lộc Phát về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi
trường của Dự án “Sản xuất Bánh pía Tân Lộc Phát” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 206/TTr-
TNMT ngày 20 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Bánh Pía – Lạp xưởng Tân Lộc Phát
dự án “Sản xuất Bánh pía Tân Lộc Phát”, địa chỉ tại số 150, ấp An Trạch, xã An
Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi
trường của dự án “Sản xuất Bánh pía Tân Lộc Phát” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Sản xuất Bánh pía Tân Lộc Phát”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 150, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu
Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp:
2200733953 đăng ký lần đầu ngày 25/5/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày
01/03/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc
Trăng cấp.

1.4. Mã số thuế: 22200733953.

1.5. Loại hình hoạt động của dự án: Sản xuất Bánh pía

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện dự án 305,8m².

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư của dự án: 5.000.000.000 đồng.

- Công suất: Quy mô sản xuất 200-300 cây bánh pía/ngày, tương đương khoảng 50 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường

2. Công ty TNHH Bánh Pía – Lạp xưởng Tân Lộc Phát có trách nhiệm

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 04. tháng 10. năm 2024 đến ngày 04. tháng 10. năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã An Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT tỉnh;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã An Hiệp;
- Công ty TNHH Bánh pía – Lạp xưởng Tân Lộc Phát;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thg.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hòa

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07/GPMT-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 1,6 m³/ngày.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa nguyên liệu, vệ sinh nhà xưởng, dụng cụ sản xuất, thiết bị, máy móc tại dự án khoảng 2 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn sẽ thoát vào đường thoát nước chung của khu dân cư sau đó thoát vào kênh Hậu tại ấp An Trạch, xã An Hiệp, Hiệp Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả thải:

- Hệ thống thu gom nước thải của khu vực dự án tại số 150 ấp An Trạch, xã An Hiệp, Hiệp Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 6⁰): X= 1067787; Y= 547571.

2.3. Lưu lượng thải lớn nhất: 3,6 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Chất lượng nước thải thoát vào đường thoát nước chung của khu dân cư sau đó thoát vào kênh Hậu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, k=1,2) cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	(QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, kq=1,2; kf=1,2)
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	72
3	COD	mg/l	216

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	(QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, kq=1,2; kf=1,2)
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	144
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	14,4
6	N tổng	mg/l	57,6
7	P tổng	mg/l	8,64
8	Tổng Coliforms	NPM/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh sẽ được thu gom vào hố ga sau đó thoát vào đường ống bằng bê tông dẫn về cụm xử lý nước thải để xử lý. Nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B sẽ thoát vào nguồn tiếp nhận là đường thoát nước chung của khu dân cư sau đó thoát vào Kênh hậu.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Hố gom → Ngăn xử lý vi sinh hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Kênh Hậu.

Công suất thiết kế: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 8m³ Nước thải sau khi xử lý hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B sẽ tự chảy vào đường ống PVC có đường kính 114 mm, thoát vào đường thoát nước chung của khu dân cư sau đó thoát vào kênh Hậu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân viên tại dự án; Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường.

Lập kế hoạch bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc của cơ sở. Quản lý, kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải và các công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07/GPMT-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000: X= 1067209; Y= 547780.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

STT	Tên thông số ô nhiễm	Giá trị giới hạn, dBA <i>(Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)</i>
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu các tác động từ tiếng ồn, độ rung. Dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến công nhân trực tiếp làm việc và các khu vực xung quanh:

- Chủ dự án thường xuyên bảo trì máy để máy móc, thiết bị luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt, kiểm tra định kỳ thiết bị về độ mòn chi tiết, chế độ hoạt động bảo trì, bôi trơn....

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý nhằm tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: STP/GPMT-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh tại dự án chủ yếu là các thành phần phát sinh không thường xuyên với khối lượng như sau: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khoảng 2 kg/năm; Giẻ lau dính dầu nhớt khoảng 1 kg/năm; Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng nhựa chứa dầu nhớt) khoảng 2 kg/năm; Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng khoảng 0,5 kg/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/khí)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	2	17 02 03
2	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	1	18 02 01
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng nhựa chứa dầu nhớt)	Rắn	2	18 01 03
4	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	Rắn	0,5	16 01 06
Tổng số chất thải nguy hại			5,5	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao bì và thùng giấy, kim loại đóng gói sản phẩm, nút xốp,...)	30

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	16

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng chứa có nắp đậy loại nhỏ thể tích 20 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 2 m²

- Kết cấu: trát vữa bê tông, nền bê tông.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Phân chia khu vực lưu chứa

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 3 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng đảm bảo tránh mưa, nắng.

- Chủ dự án sẽ phân chia khu vực lưu trữ và thu gom bán phế liệu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 10 lít/thùng; 01 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 40 lít/thùng.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: 0,5 m²/thùng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nền xi măng.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống điện và dây dẫn phù hợp với vị trí thiết bị và công suất của thiết bị.

- Trang bị hộp nước vách tường, máy bơm nước PCCC đúng quy định, lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.

- Bố trí kim thu sét cho mái của nhà xưởng, văn phòng để phòng, chống sét đánh.

- Lập nội quy, tiêu lệnh phòng chống cháy nổ và phổ biến cho toàn bộ công nhân viên của dự án.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

2. Biện pháp đảm bảo tai nạn lao động

Xây dựng nội quy và quy trình làm việc, thao tác cho từng khâu sản xuất. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho nhân viên khi làm việc tại những khâu đòi hỏi độ an toàn cao.

Các trang thiết bị bảo hộ lao động có thể kể đến như: kính phòng hộ mắt, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ, quần áo bảo hộ lao động,...

Đối với công nhân tuyển dụng mới yêu cầu các hồ sơ phải có giấy khám sức khỏe của các cơ quan y tế trong thời gian 06 tháng, chỉ tuyển những công nhân có sức khỏe tốt làm việc tại dự án để không ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng .

Chủ dự án trang bị đầy đủ đèn chiếu sáng, cửa thông gió để đạt các yêu cầu về điều kiện ánh sáng, nhiệt độ trong nhà xưởng để đảm bảo điều kiện sức khỏe cho người lao động.

3. Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải

Sự cố hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án vì hệ thống xử lý nước thải sử dụng phương pháp vi sinh là chủ yếu do đó khi hệ vi sinh bị thay đổi hoặc lượng nước thải tăng đột biến cũng ảnh hưởng đến quá trình xử lý. Do đó, để hạn chế phát sinh sự cố hệ thống xử lý nước thải thì chủ dự án đề ra giải pháp như sau:

Trong quy trình xử lý nước thải đã có ngăn lắng 1 có khả năng lưu chứa lượng nước thải phát sinh tại dự án trong khoảng thời gian 1 ngày như vậy sẽ đảm bảo quá trình ổn định lưu lượng nước thải không tăng đột ngột.

Định kỳ 3 tháng sẽ tiến hành bổ sung chế phẩm vi sinh chuyên dùng cho quá trình xử lý sinh học để đảm bảo ổn định và tăng hiệu suất xử lý nước thải.